

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-02-2025.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Phan Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Phạm Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2024/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đỗ Cẩm T1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh Thành A, xã Minh T2, huyện U Minh Th, Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2024 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Cẩm T1 (Sau đây gọi tắt là anh T, chị T1) tự quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh T2, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên G ngày 11/6/2015. Vợ chồng anh T, chị T1 chung sống hạnh phúc được hơn 09

năm thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị T1 thường về bên nhà cha mẹ ruột của chị tại tỉnh Bạc Liêu, bỏ mặc anh T và các con không quan tâm. Vợ chồng anh T, chị T1 chung sống không tôn trọng nhau, chị T1 tự quyết định tất cả trong gia đình, không thông qua anh T, dẫn đến cự cãi chị T1 xúc phạm đến anh T và cha mẹ anh T. Hơn nữa, chị T1 có quan hệ bất chính với một người đàn ông khác. Nhiều lần, vợ chồng anh T, chị T1 hàn gắn nhưng không thành, nên sống ly thân từ năm 2022 đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau. Trong thời gian ly thân nhiều lần chị T1 đã nộp đơn tại Tòa án huyện U Minh Thượng yêu ly hôn với anh T. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh T yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị T1 có 02 người con chung Nguyễn Thị Hằng Ni, sinh ngày 03/02/2016 và Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 20/5/2020 (*Hiện cháu Hằng Ni đang sống với anh T, cháu Ngọc Hân đang sống với chị T1*). Vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung Hằng Ni, giao con chung Ngọc Hân cho chị T1 nuôi dưỡng, con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con, nếu chị T1 không nuôi con thì anh T xin nuôi 02 người con chung, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Anh T, chị T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn chị Đỗ Cẩm T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn với chị T1, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp. Đầu năm 2025 vợ chồng tiếp tục cự cãi, chị T1 dùng lời chửi xúc phạm đến anh T một cách thâm tệ, yêu cầu anh T sớm đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T; về con chung vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thị Hằng Ni, giao con chung Nguyễn Ngọc Hân cho chị T1 nuôi dưỡng, con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T được ly hôn với chị T1; giao con chung Nguyễn Thị Hằng Ni cho anh T nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Ngọc Hân cho chị T1

tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về chia tài sản chung không có, nên đề nghị HĐXX miễn xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh T chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với bị đơn chị Đỗ Cẩm T1. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đỗ Cẩm T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T1.

[3]. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hợp pháp. Tại phiên tòa anh T trình bày lý do xin ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cãi. Mỗi lần cự cãi chị T1 bỏ nhà về bên cha mẹ ruột sống tại tỉnh Bạc Liêu, mỗi lần bỏ nhà đi từ 03 đến 07 ngày (đến khi anh T năn nỉ mới về nhà), bỏ mặc các con và anh T không quan tâm. Trong khi anh T thường đi làm ruộng, chăm sóc ruộng tôm, con không ai đưa đi học. Đầu năm 2025 chị T1 và anh T tiếp tục cự cãi, chị T1 dùng lời xúc phạm đến anh T thậm tệ, thúc giục anh T kêu Tòa án giải quyết cho chị T1 được ly hôn với anh T sớm. Trong thời gian ly thân nhiều lần chị T1 đã nộp đơn tại Tòa án huyện U Minh Thượng yêu ly hôn với anh T. Tình trạng hôn nhân của anh T, chị T1 cũng được UBND xã Minh T2 xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng anh T kiên quyết xin ly hôn với chị T1, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị T1 không còn nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho anh T được ly hôn với chị T1.

[4]. Về con chung: Anh T, chị T có 02 người con chung Nguyễn Thị Hằng Ni, sinh ngày 03/02/2016 và Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 20/5/2020. Vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con chung Hằng Ni, giao con chung Ngọc Hân cho chị T1 nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai của cháu Ni ngày 18/12/2024 có nguyện vọng được sống với anh T khi cha mẹ ly hôn, HĐXX nhận thấy: Hiện cháu Ni đang sống với anh T, cháu Hân đang sống

với chị T1 nhằm đảm bảo cuộc sống ổn định và quyền lợi về mọi mặt cho các cháu được nuôi dưỡng và phát triển tốt nhất, Tòa án nhiều lần triệu tập chị T1 đến Tòa án để có ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nhưng chị T1 không đến Tòa án. Do đó, HĐXX thống nhất giao con chung Hằng Ni cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ni, giao cháu Ngọc Hân cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T, chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về chia tài sản chung: Anh T, chị T1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Xét, lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của HĐXX, là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000736 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T với chị Đỗ Cẩm T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hằng Ni, sinh ngày 03/02/2016 (Hiện đang sống với anh T) cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Ngọc Hân, sinh ngày 20/5/2020 (Hiện đang sống với chị T1) cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T, chị Đỗ Cẩm T1 có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Anh T, chị T1 không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0000736 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Anh T đã thực hiện xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng